

# TỊNH ĐỘ LUẬN

## QUYỂN HẠ

### CHƯƠNG VI

Dẫn chứng tung tích những người hiện được vãng sinh (Gồm người đạo, kẻ tục được vãng sinh để bảo cho người tu học biết).

Đời, đạo, đều được vãng sinh Tịnh độ lược có hai mươi người. Tỳ-kheo tăng sáu người, Tỳ-kheo-ni bốn người, Ưu-bà-tắc năm người, Ưu-bà-di năm người.

Hỏi: Trên ngài đã dẫn hai giáo kinh luận để chứng minh cho việc vãng sinh, đây thật là kết quả tốt lành. Nhưng vì chúng sinh trí còn cạn cợt chẳng rõ được Thánh chỉ, chi bằng ngài hãy dẫn tung tích những người hiện được vãng sinh để khuyên mọi người ngay ngày hôm nay một lòng tin theo, ưa nghe lời dạy của ngài mà tinh tấn tu hành.

Đáp: Theo kinh luận, những người được vãng sinh đều cảm được đài sen rực rỡ và nhiều tướng lạ, số này thật là vô lượng. Nay tôi lược dẫn hai mươi người để bảo cho người tu học biết mà một lòng tin theo.

#### I. Tỳ-Kheo Tăng Được Vãng Sinh, có sáu người:

1. *Pháp sư Phương Khải*: Người Hoa âm. Năm Trinh Quán thứ chín, ngài cùng Pháp sư Huyền Quả ở chùa Ngô chân, huyện Lam điền, suốt một mùa hạ niệm Phật A-di-đà. Ngài bèn lấy một nhánh dương tươi đem để trong tay Bồ-tát Quán Thế Âm thệ rằng: “Như tôi nay niệm Phật được vãng sinh thì nguyện nhánh dương này trong bảy ngày không héo.”

Đúng như thệ nguyện của ngài, trong bảy ngày nhánh dương không héo. Ngài lại vì tất cả chúng sinh mà cầu xin: “Như trong Nhiếp luận phán định là “Biệt thời ý”, còn kinh Quán nói là “Lập tức vãng sinh”, vậy mong trong mộng được thấy Đức Phật Di-đà để tỏ rõ điều nghi này.”

Ngay đêm hôm đó, chỉ ở một nơi mà Ngài ba lần chiêm bao.

Lần đầu thấy tại một ao lớn, phía Tây nam có một cái lầu cao cửa mở về phía Đông, ngài từ trên lầu bước xuống đi đến bờ Đông bắc ao, liền thấy một bảo trướng cao hơn hai trượng. Bỗng ngài bay vào trong trướng, nửa thân vào rồi lại ra. Ngài đi vào phía Tây, nơi đây có một ngôi điện lớn, bên trong thấy một Đại đức, bảo rằng: “Những người chỉ tu hạnh Tịnh độ đều sinh trong trướng này”, Đại đức tăng nói xong, Ngài liền tỉnh giấc rồi thiếp ngủ.

Lần thứ hai ngài thấy ở bờ ao phía Bắc, Bồ-tát Quán Thế Âm ngồi kiết già mặt hướng về phương Bắc, Ngài bèn lấy tay đỡ chân Bồ-tát đội trên đầu, thấy dưới chân có tướng thiên bức luân, thân Bồ-tát bằng sắc vàng Diêm-phù-đàn, bỗng nhiên ngài thức dậy.

Lần thứ ba, ngài mộng thấy mình đang đứng phía Nam của ao, mặt hướng về Tây, từ ao trở về phía Tây toàn là mặt nước mênh mông đầy hoa sen trong đó. Bỗng thấy Đức Phật A-di-đà từ hướng Tây đi đến trước ngài, ngài liền đầu mặt bái lạy sát đất, bái lạy xong, quỳ xuống trước Phật chấp tay bạch rằng: “Chúng sinh thế giới Sa-bà nếu y kinh tu hành có được sinh về cõi nước của Đức Thế Tôn chăng?”

Đức Phật đáp: “Này Thiện nam tử! Tất cả chúng sinh chỉ cần tu hạnh Tịnh độ đều sinh về nước Ta, chớ có nghi ngờ.”

Lại trong một đêm khác, ngài mộng thấy thân mình ở thế giới Sa-bà vọng hướng về Tây, thấy cõi nước Đức Phật Di-đà bằng phẳng như mặt gương, rồi nhìn lại thế giới Sa-bà chỉ toàn là sông núi; Đông, Tây khác biệt. Trông về hướng Nam, thấy đất sông bằng phẳng, trong sông có mười lăm cái bảo trướng đều hướng mặt về phương Tây. Ngoài ra, những trướng khác đều được làm bằng bảy báu, duy một cái ở chính giữa là Bạch ngân trướng, dưới trướng đều có âm nhạc ca vịnh tán thán.

Ngài hỏi:

- Đây là trướng gì?

Người ở dưới trướng đáp:

- Nơi đây đều là người được vãng sinh.

Ngài hoan hỷ phóng mình lên không bay về hướng Tây, trong giây lát liền trở về ở trong đó.

Lại vào một đêm khác Ngài mộng thấy mình đang ở trong một Phật đường, đứng ngay trước Phật, bỗng có một vị Tăng tên là Pháp Tạng, ngự trên một chiếc xe lớn đi vào Phật đường, đón Ngài lên xe rồi chở thẳng về phương Tây. Ngài Pháp Tạng tức là Đức Phật A-di-đà, xe là bốn mươi tám đại nguyện.

Lại vào một đêm, ngài mộng thấy thân mình ngồi trên tòa Liên hoa vương trăm báu, mặt hướng về Nam, ngồi thống chân thành Chánh giác.

Lại vào một đêm, ngài mộng thấy Đức Thích Ca Như Lai cùng Đức Văn-thù-sư-lợi ở trước ngài tán thán kinh Pháp Hoa.

Lại vào một đêm khác ngài mộng thấy có ba con đường lớn hướng ngay phương Tây, trên con đường thứ nhất chỉ có các vị Tăng và Ni, trên con đường thứ hai đều là người tục, cả nam lẫn nữ, trên con đường thứ ba chỉ có một vị Tăng. Những vị này đều đi về phương Tây, tức là những người được vãng sinh vậy. Ngài hiện nay vẫn chưa viên tịch.

**2. Sa-môn Đàm Loan Pháp Sư:** Người làng Ván Thủy, huyện Tinh Châu, vào cuối đời Ngụy đầu năm Cao Tề ngài vẫn còn tại thế. Ngài là vị thần trí cao siêu, nhiều nước biết danh, là bậc thông hiểu các kinh, có trí tuệ hơn người nên vua nước Lương là Tiêu vương thường hướng về phương Bắc lễ lạy ngài.

Bồ-tát Đàm Loan có chú giải Vãng Sinh luận của Bồ-tát Thiên Thân, phân làm hai quyển. Pháp sư còn soạn tập kinh Vô Lượng Thọ, làm kệ tán gồm một trăm chín mươi lăm câu, mỗi câu bảy chữ và Ván đáp một quyển, nay vẫn còn lưu hành ở đời để khuyên dạy người đạo kẻ tục quyết định vãng sinh, được thấy chư Phật. Ngài thường thưa thỉnh Bồ-tát Long Thọ mong lúc lâm chung được Bồ-tát khai ngộ y như những gì ngài cầu nguyện. Khi báo thân đã mãn, trong hư không bỗng hiện hình một Thánh tăng đi vào thất.

Vị tăng đó nói: “Tôi là Long Thọ đây.”

Bồ-tát bèn nói với ngài rằng: “Lá đã rơi không thể gắn lại cành, lúa chưa bó không thể tìm trong bồ, bạch câu chạy ngang qua khe hở không thể lưu lại dấu trong giây lát, quá khứ đã qua không thể trở lại, vị lai chưa đến không thể truy tìm, hiện tại là thời khắc nào? Thời gian không bao giờ trở lại.”

Pháp sư liễu đạt ý chỉ thâm diệu này, biết là mình sắp mạng chung. Nửa đêm hôm đó, ngài sai các sứ giả bảo đệ tử xuất gia và đệ tử bạch y khắp nơi trong các thôn làng khoảng hơn ba trăm người, nhất loạt tụ họp về chùa. Pháp sư tắm gội, đắp y mới, tay bưng lư hương, ngồi hướng mặt về phương Tây, dạy bảo môn đồ nên cầu tịnh nghiệp Tây phương. Lúc mặt trời vừa mọc, đại chúng đồng thanh niệm Phật Di-đà, khi đó ngài liền mạng chung.

Về phía Tây chùa ngoài năm dặm có một ngôi chùa Tỳ-kheo-ni cũng đều là môn đồ của ngài, sau khi minh tướng xuất hiện, chúng cùng

vào Trai đường ăn cháo, bỗng mọi người cùng nghe trên hư không có âm nhạc vi diệu từ Tây đi về hướng Đông, trong đại chúng có một trí giả bảo chúng rằng: “Pháp sư Hòa thượng cả một đời dạy người tu hạnh Tịnh độ, nay những âm thanh này đi về hướng Đông ắt có điều cảm ứng hiện ra đón rước ngài.” Đại chúng ăn xong bảo nhau đến hầu lúc ngài ra đi, rồi cùng đợi phía trước nhưng chưa ra khỏi sân chùa thì nghe âm nhạc từ xa trên hư không đi về hướng Tây. Ni chúng đến chùa thì thấy ngài đã vãng sinh rồi. Y theo kinh luận thì điều này quyết định ngài đã được vãng sinh về Tây phương vậy.

**3. *Dăng Pháp Sư:*** Người đời Tùy ở chùa Hưng quốc huyện Tịnh châu. Ngài xuất gia từ thuở nhỏ, tinh tấn tu hành, đạo tâm rất kiên cố, giảng kinh Niết-bàn, đạo tục người lớn kẻ nhỏ đều đến nghe, hễ từ Sa-di trở lên ngài không cho đứng mà bảo phải ngồi để nghe thuyết diệu pháp, ngài truyền trao đại chúng danh hiệu Phật A-di-đà, khuyên dạy mọi người cùng vãng sinh Tây phương Tịnh độ. Lại một đời tu hành, đốt hương thanh tịnh tụng niệm tu tạo phước nhiều, Từ bi vô lượng, các loài chim như tu hú, bồ câu thường đậu trong lòng bàn tay ngài mà ăn. Vào khoảng năm Khai Hoàng thứ 12 đời Tùy, ngài mạng chung ở Bồn tự, lúc đó đại chúng đều nghe có mùi hương lạ. Ngài lên đường có mây thơm ở phương Tây đến rước. Mọi người trong làng cũng như trong thành, hễ ai nghe tin thì bất kể già hay trẻ, nam hay nữ đều đến tiễn ngài vào rừng. Đã có tướng này ắt được vãng sinh Tịnh độ vậy.

**4. *Hồng Pháp Sư:*** Người Tinh Châu, đời Tùy là chủ nội đạo tràng Hán vương vào khoảng năm Nhân Thọ thứ tư ngài xuất gia, lúc còn nhỏ tuổi, một đời tinh tấn, tay không cầm tiền bạc, cúng dường Tam bảo, nhiếp hóa người có duyên, thường chuyên tâm tu tịnh nghiệp kỳ hện được thấy Phật Di-đà. Lúc lâm chung, tâm nhân sáng suốt thanh tịnh, Ngài được thấy thiện nam, thiện nữ trên cõi trời Đâu-suất xuống đón rước, họ đến bên Pháp sư, tay bưng cà sa, thỉnh ngài mau về trời. Pháp sư quả rằng: “Tôi không hện cõi này”, rồi không chịu đi. Trong khi đó, đồ chúng ở một bên niệm Phật Di-đà, bỗng thấy Hóa Phật Bồ-tát cõi Tây phương Tịnh độ đến rước, Ngài liền bảo đại chúng: “Bồ-tát trong cõi Tịnh độ mà tôi kỳ hện nay đã đến rước.” Lúc đó ngài liền mạng chung.

**5. *Pháp Sư Tăng Diễn:*** Người làng Vấn Thủy huyện Tinh Châu, ngài xuất gia từ thuở nhỏ, chuyên tâm tu học, giảng bốn bộ kinh luận Niết-bàn, Nhiếp luận, Thập Địa và Địa Trì thấy đều tinh tường thuần thực. Ngài viên tịch năm 96 tuổi, nhằm năm Trinh Quán thứ 16. Khoảng

năm, sáu năm ngài chuyên niệm Phật A-di-đà, sau khi quay về với pháp môn Tịnh độ, trong một ngày đêm Ngài lạy Phật A-di-đà kỳ hạn năm trăm lạy, về sau dần dần tăng thêm. Vào những ngày biết mình sắp mất, trong một ngày đêm ngài lạy một ngàn lạy, niệm danh hiệu Phật A-di-đà được bảy, tám vạn biến, chưa từng giải đãi. Ngày lâm chung, ngài bảo đệ tử rằng: “Đức Phật A-di-đà đến trao y thơm cho tôi, Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí v.v... cùng Thánh chúng đầy khắp hư không, từ đây về phương Tây thuần là Tịnh độ.” Nói xong ngài viên tịch. Trước đó, pháp sư hoàn toàn chưa có chí nguyện cầu vãng sinh nhưng đến khi được chín mươi tuổi trở đi, ngài gặp Pháp sư Đạo Xước giảng kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán mới bắt đầu hồi tâm, khoảng bốn, năm năm. Cảnh tượng xảy ra khi lâm chung như nói ở trên.

**6. Sa-Môn Đạo Xước Pháp Sư:** Cũng là người Tấn Dương huyện Tinh Châu, ngài chính là đệ tử huyền tôn dưới ba đời của Pháp sư Đàm Loan, một bậc cao đức đã nói ở trên. Mỗi khi giảng bộ kinh Niết-bàn, ngài thường tán thán Pháp sư Đàm Loan là bậc trí đức cao siêu và tự than rằng: “Ngài cách ta ngàn dặm cao vời, thế mà còn bỏ giảng thuyết, tu hạnh Tịnh độ, đã được vãng sinh. Hướng chỉ ta đối với Ngài chỉ là đứa trẻ, những điều hiểu biết có là bao?” Noi theo đức của Pháp sư mà tu theo đại nghiệp, khoảng năm năm trở lại ngài bèn bỏ giảng thuyết tu hạnh Tịnh độ, một lòng chuyên niệm Phật A-di-đà, lễ bái cúng dường tương tục không gián đoạn. Từ năm Trinh Quán trở đi, vì khai ngộ cho kẻ hữu duyên nên ngài luôn luôn diễn nói kinh Vô Lượng Thọ và một quyển kinh Quán để chỉ bày và khuyên dạy mọi người ở khắp nơi, người đạo kẻ tục từ bảy tuổi trở lên trong ba huyện Tấn dương, Thái nguyên, Vấn thủy đều biết niệm Phật Di-đà. Dùng hạt đậu nhỏ để tính số, người tinh tấn bậc thượng niệm Phật A-di-đà được tám mươi thạch hoặc chín mươi thạch; người tinh tấn bậc trung niệm được năm mươi thạch, còn người tinh tấn bậc hạ niệm được hai mươi thạch. Ngài thường dạy những kẻ hữu duyên không được hưởng về phương Tây khắc khổ và đại tiểu tiện, mỗi khi ngồi hay nằm cũng không được quay lưng về phương Tây. Ngài soạn An Lạc tập hai quyển còn lưu hành ở đời. Khoảng năm Trinh Quán thứ mười chín nhằm ngày 24 tháng 4 năm Ất Tỵ, hết thầy người đạo kẻ tục nếu tính riêng môn đồ trong ba huyện đến tiễn biệt thì người trước kẻ sau nối nhau không dứt, khó có thể tính kể. Đến ngày 27 thì Ngài thọ chung ở chùa Huyền Trung. Lúc đó có đám mây trắng từ phương Tây bay đến biến làm ba đường bạch quang từ trong phòng Ngài chiếu suốt ra bên ngoài, đến khi nhập liệm mới hết. Về sau lúc

thiền nhục thân để nhập lăng mộ, lại có ba đường hào quang ngũ sắc chói sáng hiện ở trong hư không nhiều quanh vắng mặt trời, nhiều xong mới dừng. Lại có đám mây sắc tía hiện ba lần ở trên lăng mộ, chúng đệ tử dự đám tang đều thấy điềm lành này. Nếu y theo kinh mà suy thì đều là do căn lực từ thiện của chư Phật khiến chúng sinh thấy những việc như thế. Lại theo bài kệ trong kinh Hoa Nghiêm nói rằng:

*Thấy ánh quang minh là thấy Phật  
Quang minh giác ngộ người mạng chung  
Niệm Phật Tam-muội ắt thấy Phật  
Sau khi mạng chung sinh Phật liền.*

## II. Tỳ-Kheo-Ni Được Vãng Sinh, có bốn người.

**1. Ni sư Pháp Thanh:** Họ Nhiếp người Thanh Hà. Vào năm Nguyên Gia 10, Ni sư xuất gia ở chùa Kiến Phước, đạo đức cao dày, thường nguyện sinh về nước An Dưỡng. Ni sư nói với pháp hữu là Đàm Kính, Đàm Ái rằng: “Tôi lập thân hành đạo, chí nguyện chỉ cầu sinh về Tây phương mà thôi.” Năm Nguyên Gia thứ 16, ngày 27 tháng 9, trong khi lễ Phật dưới tháp thì nhuốm bệnh, lúc đầu nhẹ nhưng lại kéo dài và ngày càng nặng thêm. Vào một đêm cuối tháng, đầu đêm Ni tỉnh thức thấy Đức Như Lai cùng hai vị đại sĩ từ trên không xuống, rồi cùng đại chúng cõi hoa sen thơm hoan hỷ đến thăm bệnh của Ni, hào quang sáng ngời. Cả chùa đều thấy việc như thế đến hỏi Ni rằng: “Đó là hào quang gì thế?” Pháp Thanh bèn nói rõ cho đại chúng biết điềm lành vừa hiện ra, nói xong rồi mệnh chung, năm đó Ni sư đã được bảy mươi hai tuổi. Các ông như Dự Chương Thái Thú, Ngô Quận, Trương Biện hết lòng tôn kính bèn đem việc này truyền thuật với mọi người.

**2. Truyện ni Pháp Thắng:** Ở Nam Tự, Ngô Quận chép rằng: “Ni Pháp Thắng xuất gia sau khi trụ ở chùa, bèn đến kinh sư tiến tu thiền luật, gồm thông định tuệ, tham cứu chỗ sâu nhiệm một cách rõ ràng, dạy dỗ những người bà con, không cần nhắc nhở mà họ vẫn thành tựu.” Đối với các pháp thiền tịnh thì lấy pháp niệm Phật cầu sinh Tây phương làm hạnh nghiệp. Lúc lâm chung, ni sư được Đức Phật Di-đà phóng hào quang soi chiếu rồi viên tịch.

**3. Truyện ni Quang Tĩnh:** Ở Trung Tự, Quảng Lăng chép: Ni sư Quang Tĩnh họ Hồ người Ngô Hưng. Ni sư xuất gia từ thuở nhỏ, lúc thiếu thời đã có đức hạnh cao vời, thường tu tập thiền định trí tuệ, không ăn món béo ngọt, thiền giả theo tu học có hơn một trăm người. Ni sư thường lấy pháp niệm Phật thanh tịnh làm hạnh nghiệp, lúc lâm chung được

hương thơm và nhiều tướng lạ đầy khắp hư không đến đón rước mà tịch.

**4. Ni sư Đại Minh Nguyệt:** Là người Bình Diêu Giới Châu, thuở nhỏ xuất gia trụ ở chùa Độ Thoát. Khoảng năm đầu niên hiệu Trinh Quán lúc ni sư gần sáu mươi tuổi, gặp pháp sư Đạo Xước ở chùa Huyền Trung giảng kinh Vô Lượng Thọ và dạy pháp niệm Phật. Ni sư hễ mỗi khi niệm Phật thì trước đắp y sạch, miệng ngậm trầm thủy hương, đốt hương thơm khắp tịnh thất rồi tụng niệm, liên tục như vậy ba, bốn năm liền không dứt. Lúc sắp lâm chung, niệm Phật cũng không giảm, đại chúng đều thấy quang minh, trong quang minh nghe có mùi hương trầm thủy đến tiếp rước, lúc đó ni sư liền mạng chung. Pháp đệ là Thiếu Minh Nguyệt bấy giờ cũng như ni sư, lấy pháp niệm Phật làm hạnh nghiệp. Lúc vô thường đến cũng cảm được các tướng tốt lành... khó mà kể hết. Người đạo kẻ tục nghe việc này đều cùng niệm Phật.

### III. Ưu-bà-tắc được vãng sinh, có năm người:

**1. A Đàm Viễn:** Người Lô giang. Ông vãng theo lời Phật dạy một cách tinh tấn, thọ trì giới Bồ-tát. Năm ông mười tám, mười chín tuổi, khoảng niên hiệu Nguyên Gia đời Tống bèn quay về tu theo pháp môn Tịnh độ, để mong được cảm ứng. Ông thỉnh mấy vị tăng, trong đó sư chủ là Tăng Hàm, Viễn thường thưa hỏi ngài về việc sám hối, vì sợ có tội lỗi nhưng rút cuộc cũng không thấu đáo. Tăng Hàm thường khích lệ, khuyên ông chớ có giải đãi. Đến năm Nguyên Gia thứ 10, ngày 16 tháng 2, ban đêm khi tụng kinh xong, lúc chúng Tăng đã ngủ, vào canh tư ông tự xưng rằng: “Ca tụng! Ca tụng!” Tăng Hàm ngạc nhiên hỏi ông.

Ông đáp: “Tôi thấy thân Phật màu vàng ròng, thân hình lớn, nhỏ như pho tượng, kim quang khắp thân, phun hoa buông rải đầy cả hư không, Ngài từ phương Tây đến bảo tôi hãy đi mau.”

Đàm Viễn thường bị bệnh khổ, hơi thở gấp gáp có khi muốn dứt, nhưng đêm hôm đó lại khỏe mạnh, điệu bộ vui vẻ liền đứng dậy thỉnh chúng Tăng. Tăng Hàm thoa hương thơm vào tay, lấy hoa từ xa rải cúng Phật.

Người mẹ bảo Đàm Viễn: “Như nay con đi, chẳng thương nhớ mẹ sao?”

Đàm Viễn không nói lời nào, chợt ông nằm xuống. Gia đình ông vốn đủ đức tin, khi nghe điềm lạ linh ứng này thấy đều vui mừng cung kính, không ai buồn sợ. Đến canh năm bỗng nhiên ông mạng chung, trong nhà có mùi hương thơm lừng mấy ngày mới hết.

**2. *Ngụy Thế Tử*:** Là người Lương Quận. Bộ Tuyên tướng ký ghi chép việc ông và hai con, ba người được vãng sinh Tịnh độ. Ông hành theo Phật pháp một cách tinh tấn, các con noi theo tu hành, duy vợ còn mê muội lo buồn, không tin Phật pháp. Vào năm đầu Nguyên Gia đời Tống, cô con gái mười bốn tuổi mang bệnh mà mất, được bảy ngày thì sống lại, bảo ông hãy thiết lập một tòa cao và kinh Vô Lượng Thọ, Thế Tử liền vì con bày kinh tòa đầy đủ. Cô con gái trước đây tuy có giữ trai giới và lễ Phật nhưng chưa từng xem kinh liền lên tòa ngồi, tụng đọc chương cú rõ ràng và trôi chảy. Tụng xong cô bước xuống thưa cha rằng: “Trước đây con mất được sinh về cõi Vô lượng thọ, thấy cha, anh và con ba người sau này sẽ hóa sinh vào hoa phù dung lớn đã có trong ao, còn riêng mẹ thì không, vì thương mẹ quá nên con quay về thưa rõ.” Nói xong cô lại mất. Mẹ cô nghe nói như vậy mới kính tin Phật pháp.

**3. *Trương Nguyên Tường*:** Là người huyện Vạn Niên Ung châu. Ông bảm tánh thuần hậu ngay thẳng, giữ giới, thường tụng kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán và lấy pháp niệm Phật Di-đà làm hạnh nghiệp. Khoảng tháng 5, năm khai Hoàng 20, đời Tùy, ông ngã bệnh, đến ngày mồng 3 tháng 6, vào giờ thìn bỗng nhiên ông đòi ăn: “Thức ăn chay của tôi đâu mang đến gấp đây cho tôi.” Ăn xong, ông đốt hương thờ niệm Phật, ngay lúc đó mạng chung. Sau khi ông mất, thi thể ông được giữ lại hơn hai hôm mới đưa vào rừng, mà sắc diện không khác gì lúc còn sống, mọi người không ai không khen đó là điềm lành, chắc nhờ sức thiện căn mà khiến được như thế.

**4. *Lại Có Một Lão*:** Ông người huyện Phần dương Tinh châu, người truyền thuật không rõ họ tên ông. Khoảng năm Trinh Quán thứ năm, khi nghe nói về công đức vãng sinh Tịnh độ ông liền đem lương thực nương chùa Pháp nhĩn trên núi, theo chúng Tăng xin ở một căn phòng, ngày đêm chuyên niệm Phật A-di-đà chẳng màng ngủ nghỉ. Khoảng mười lăm năm tu pháp niệm Phật, lúc sắp mạng chung đồ chúng sai sứ giả gọi cô con gái đến để chăm sóc ông.

Ông nói với chúng rằng: “Những ngày gần đây ở cõi Tây phương có vô lượng sư tăng đều từ phương tây theo hướng đông đi đến, giống như chúng Tăng đi phó trai vậy.”

Lại bảo cô con gái rằng: “Ngày mai có ánh sáng soi chiếu thân ta, con chờ cho là điều kỳ lạ.”

Hôm sau quả như lời ông nói, có ánh sáng chiếu đến khắp cả căn phòng, lão ông hướng về Tây như muốn leo lên vật gì. Ngay lúc đó ông liền mạng chung.



**5. Nghe Nói Có Một Người Không Rõ Họ Tên:** Tánh tình hiểm ác, lại không tin nhân quả, thường làm nghề săn bắn, giết hại. Ông mang bệnh, lúc lâm chung thấy các địa ngục đủ thứ khổ đau và những chúng sinh bị giết hại đều đến đòi mạng.

Ông ăn năn nói rằng:

- Tôi bình sinh không tin lời sư Tăng dạy, những gì tôi thấy hôm nay đúng như Kinh đã nói.

Bèn bảo người nhà:

- Các người cứu ta.

Vợ và các con nói:

- Làm sao cứu được?

Người đó bảo rằng:

- Các người nếu như không thể cứu ta được thì hãy mau sai một người đến chùa thỉnh một thầy đến cứu ta vậy.

Người nhà liền y theo lời thỉnh được một thầy. Người đó thấy vị thầy đến lòng bi ai khóc lóc nói:

- Xin thầy từ bi cứu con.

Thầy bảo rằng:

Đàn-việt bình sinh không tin Tam bảo, hôm nay sắp mất mới cứu khó có thể cứu được.

Người đó nói:

- Đúng vậy! Thầy đọc kinh Phật, như con là người có tội, lúc sắp mất có pháp gì cứu được chăng?

Thầy đáp rằng:

- Kinh Quán có văn nói về pháp cứu tội.

Người đó bỗng nhiên hớn hở vui mừng nói:

- Đức Phật dạy có địa ngục, y như lời Ngài tức có địa ngục; Đức Phật dạy được vãng sinh, con nhất định được vãng sinh vậy.

Rồi bảo người nhà:

- Hãy đem hương và lửa đến đây.

Người nhà đốt lửa và đem lò hương trao cho, người đó nói rằng:

- Ta nay trong chốc lát nữa phải đọa vào địa ngục, ở trong vạc sôi lò lửa, sao lại dùng lò hương, hãy đem lửa đến để trong tay ta.

Bên tay trái đốt lửa, tay phải cầm hương, mặt hướng về phương Tây chí tâm niệm Phật, chưa đầy mười niệm liền bảo mọi người rằng: “Đức Phật từ phương tây đến, đại chúng rất đông đều phóng quang minh, Ngài trao cho ta tòa sen.” Nói xong liền mất. (Đây là mười niệm được vãng sinh).

#### IV. Ưu-bà-di được vãng sinh, có năm người:

**1. Vợ của Tinh Văn:** Huyện Ủy Ôn không rõ họ gì, là người Tấn, Dương Tinh châu, sớm mang bệnh bán thân bất toại, thường nằm trên giường.

Chồng bảo vợ rằng:

- Suốt ngày nằm đất, sau không niệm Phật?

Vợ hỏi chồng:

- Niệm Đức Phật nào?

Chồng đáp:

- Niệm Phật Di-đà.

Trong vòng hai năm miệng thường niệm Phật, bỗng nhiên tội chướng tiêu trừ, hiện tiền được thấy cõi nước Đức Phật Di-đà, bà vui mừng tạ ân chồng rằng: “Lúc bệnh hoạn dài lâu tôi làm khổ ông quá nhiều, nay may thay được Ông dạy cho pháp niệm Phật A-di-đà!”

Hôm sau liền đi mời cha mẹ anh em thiết riêng một bữa chay để từ biệt họ.

Chồng nghi ngờ hỏi:

- Lẽ nào có việc phàm phu mà được thấy cõi Phật, chẳng phải là cái thấy của kẻ phong tà điên loạn sao?

Vợ đáp:

- Quả nhiên chẳng phải là bị bệnh phong cuồng.

Bà bèn thưa với cha mẹ và những người thân quyến rằng lúc bà thiết trai thì đến. Bà sai người trái năm tấm thảm ở phía trước phàm tăng, nghĩ định Thánh chúng sẽ ngồi. Đến thời bà xa thấy Thánh chúng ở trên hư không nhưng không xuống, liền thầm nghĩ rằng vì e Tăng còn tạp uế Thánh chúng không chịu ngồi chung nên bèn sai người đem thảm để trên bình đầu nhà để Thánh chúng ngồi rồi đem thức ăn dâng cúng. Lúc chúng Tăng ăn xong bà thúc giục cả nhà tập hợp lại, rồi nói pháp chỉ dạy: “Tôi nay gấp theo Thánh chúng vãng sinh Tây phương, mong rằng cha mẹ bà con thấy đều niệm Phật, ngày sau sẽ vãng sinh Tây phương Tịnh độ không thể nghĩ bàn.” Bà nói xong mặt hướng ngay phương Tây, cùng chúng niệm Phật, ngay đó liền mạng chung. Hạng người như thế thật không thể kể hết.

**2. Lại trong khoảng năm Đại Nghiệp đời Tùy,** ở Cú sơn huyện Vấn thủy Tinh châu có một làng, trong đó có lão ông và lão bà hai người không con cái. Trong nhà có mười lăm miệng ăn, lương thực đủ tự nuôi sống quanh năm. Hai vị đều hiểu rõ cuộc đời là khổ đau, không thật nên vào ngày 29 mỗi tháng thường thỉnh hai vị sơn tăng tụng kinh

niệm Phật suốt đêm, sáu mươi gia đình trong làng đều đến tùy hỷ nghe pháp và thọ giới. Thường thường vào ngày cuối tháng đều thiết trai như thế. Hễ vào lúc thiết trai lão mẫu giữ gìn thanh tịnh, tự tay mình làm thức ăn.

Lão phụ bảo lão mẫu rằng? “Thân thể bà đã suy yếu, chỉ nên dạy bảo gia nhân, sao phải tự tay làm cho mệt nhọc?”

Lão mẫu nói lão phụ rằng: “Tôi sợ không biết nhắm mắt lúc nào nên không thể nhờ người khác, như dạy bảo gia nhân thì đó chỉ là phước thiện của họ mà thôi.”

Vì thế hễ mỗi lúc thiết trai bà đều tự tay làm lấy. trong vòng hai, ba năm tương tục không dứt, công đức tu tạo, hạnh nghiệp tụng kinh niệm Phật, bà đều hồi hướng Tịnh độ. Ngày lâm chung người trong thôn đều đông đủ, đầu đêm bỗng có hào quang chiếu vào phòng khiến đèn nến mờ nhạt, ánh sáng giống như ban ngày, đầu đây đều vang tiếng niệm Phật, một lát sau thì thấy rất đông Bồ-tát cầm bảo cái trang nghiêm vi diệu đầy khắp trong sân, lúc đó lão bà liền mạng chung có tướng thảng diệu như thế.

**3. Lại niên hiệu Trinh Quán đời Đại Đường:** Trở lại, không rõ tháng năm nào, về phía Đông huyện Vĩnh An, châu Lạc tám dặm có một làng tên là Bàn Long, trong đó có một bà lão mù lòa, họ Lương. Nhân có thầy dạy bà niệm Phật A-di-đà, cũng nhờ đời trước có gieo trồng căn lành nên qua một lần chỉ dạy, từ đó về sau bà niệm Phật tương tục. Sau ba năm, hai mắt sáng trở lại, mắt đã sáng rồi bà càng thêm tụng niệm. Lại tròn bốn năm khi nghiệp báo cõi diêm phù đã hết, lúc sắp mạng chung, mọi người trong làng đều thấy chư Phật, Bồ-tát cầm tràng phan, bảo cái xuống nghênh rước, lúc đó bà liền mạng chung. Cả làng đều kính ngưỡng cho bà là bậc phi phàm nên không cho chôn cất mà cùng nhau xây tháp thờ bà ở phía Tây làng. Tháp nay hiện vẫn còn ở bên đường, những người trong thôn qua lại trước tháp không ai không hết lòng kính ngưỡng, người lớn kẻ nhỏ trong làng đều xưng tán Phật.

**4. Lão Bà họ Bùi:** Là người Tấn Dương Tinh Châu. khoảng niên hiệu Trinh Quán trở lại, gặp thầy dạy dùng hạt đậu nhỏ đếm khi niệm Phật, bà niệm Phật A-di-đà được mười ba thạch. khi báo thân đã hết bà tự biết cõi mình được sinh về, bèn từ biệt người đạo kẻ tục khắp nơi, nói sẽ ra đi vĩnh viễn. Hôm sau vào lúc thiết trai, bà bảo người trong nhà rằng: “Hãy lấy lửa đốt hương, Đức Phật A-di-đà đem đến hai đài liên hoa và trao cho tôi một cái”. nói xong bà liền mạng chung.

**5. Diêu Bà:** (lão bà họ Diêu) đã có chồng, là người huyện Lễ

Tuyền Ung châu. Bà được thầy dạy lấy việc niệm Phật A-di-đà làm hạnh nghiệp, khoảng năm Trinh quán thứ hai mươi hai, ngày hai mươi tháng bảy, lúc bà mất, Đức Phật A-di-đà và Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí cùng vô lượng Bồ-tát đều đến nghênh rước. Vì chưa từ biệt Phạm bà (lão bà họ Phạm), vị Thiện tri thức của mình, bà thỉnh Phật cho đợi thêm giây lát, Đức Phật liền hứa khả, lát sau Phạm bà đến, bà ngoảnh về Phạm bà, nói xong từ biệt mà đi.

### CHƯƠNG VII

So sánh sự hơn kém giữa cõi tây phương và đâu-suất.

Hỏi: Cõi Đâu-suất Thiên cung và Tịnh độ của Đức Phật A-di-đà, hai cõi này đều là cõi mà kinh Phật tán thán, nhưng tôi chưa biết cõi nào hơn, cõi nào kém?

Đáp: Hai cõi này đều có ba nghĩa, chưa biết ông hỏi về nghĩa nào. Ba nghĩa đó là:

Hóa chủ: Là Phật.

Xứ sở: Là thế giới.

Chúng sinh được hóa độ: Là người vãng sinh.

Nếu nói về nghĩa Hóa chủ thì hai Phật như nhau, đồng là Đấng Pháp vương, đều được tôn xưng là Đấng Thiện Thệ, thân tướng đầy đủ muôn đức, cõi nước vạn điều tốt đẹp cũng đều để hóa độ chúng sinh. Nếu như ở cõi uest thì gò nổng đầy khắp mọi nơi, còn ở cõi Tịnh thì các vật báu lạ khắp chốn. Nhưng nếu muốn so sánh về công đức thì hai Phật không có hơn kém, còn luận về cõi nước thì có sự hơn, kém. Vả lại Thiên cung cõi Đâu-suất thì được thành lập trên không, còn thế giới Cực lạc thì được an lập trên đất. Thế thì chỗ ở hư không (Đâu-suất) và thật (Tịnh độ) khác nhau, nẻo người, trời sai biệt. Nếu căn cứ cõi này (Sa-bà) để luận về việc thác sinh, thì cõi trời là ưu việt, cõi người là hạ liệt. Còn luận về sự tịnh, uest thì Đâu-suất tuy là thiên cung nhưng vì có người nữ nên gọi là uest, cõi Cực lạc tuy là địa giới nhưng vì không có nữ nhân nên gọi là tịnh. Tịnh và uest này có mười loại khác nhau:

1) Có người nữ và không có người nữ khác nhau: Cõi Đâu-suất nam và nữ ở lẫn lộn, còn cõi Cực lạc chỉ có nam không có nữ.

2) Có dục và không dục khác nhau: Đâu-suất có thượng tâm dục, nhiễm trước cảnh, còn cõi Cực lạc không có thượng tâm dục nên thường phát tâm Bồ-đề.

3) Thoái, bất thoái khác nhau: Cõi Đâu-suất có thoái chuyển, còn cõi Cực lạc thì không thoái chuyển.

4) Thọ mạng khác nhau: Cõi Đâu-suất thọ mạng bốn nghìn năm nhưng vẫn có thể chết yếu giữa chừng, còn cõi Cực lạc thọ mạng vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, không có người chết nữa chừng.

5) Tâm có ba tánh khác nhau: Cõi Đâu-suất thì tâm có ba tánh xen khởi nên ác tâm khiến đọa địa ngục, còn cõi Cực lạc chỉ có người thiện tâm sinh về đó nên vĩnh viễn lìa ác đạo.

6) Ba thọ tâm khác nhau: Cõi Đâu-suất ba thọ xen khởi, còn cõi Cực lạc chỉ có lạc thọ.

7) Sáu trần cảnh khác nhau: Sáu trần cõi Đâu-suất khiến người phóng dật, còn sáu trần cõi Cực lạc khiến người phát tâm Bồ-đề.

8) Thọ sinh khác nhau: Đối với cõi Đâu-suất thì nam sinh trên đầu gối cha, nữ trên đầu gối mẹ, còn cõi Cực lạc thì thọ sinh trên hoa sen trong ao bảy báu.

9) Thuyết pháp khác nhau: ở cõi Đâu-suất chỉ có Phật và Bồ-tát thuyết pháp, còn ở cõi Cực lạc nước, chim, rừng, cây đều có thể thuyết pháp.

10) Chứng quả khác nhau: Người sinh về Đâu-suất hoặc chứng Thánh hoặc không, còn người sinh về Cực lạc nhất định chứng vô thượng Bồ-đề.

Nếu đứng về nghĩa này mà so sánh thì cõi Tây phương rất ưu việt, cõi Đâu-suất rất kém cõi vậy. Còn như luận về người vãng sinh thì vãng sinh về Tây phương dễ, sinh lên Đâu-suất khó. Sự khó và dễ này cũng có bảy loại khác nhau:

Xứ khác nhau: Cực lạc là cõi người, Đâu-suất là cõi trời. Thế thì sinh lên cõi trời (Đâu-suất) khó, sinh về cõi người (Cực lạc) dễ.

Nhân khác nhau: Đối với cõi Cực lạc người chỉ giữ năm giới cũng được vãng sinh, còn cõi Đâu-suất phải tu đủ mười nghiệp thiện mới được sinh lên.

Hạnh khác nhau: Đối với cõi Cực lạc người niệm Phật hẳn đến mười niệm thành tựu liền được vãng sinh (rút trong kinh Quán), còn đối với cõi Đâu-suất phải đủ ba pháp Bồ thí, trì giới, tu nhân mới được sinh lên (trong kinh Di-lặc).

Tự lực, tha lực khác nhau: Đối với cõi Cực lạc hành giả nương tha lực bốn mươi tám đại nguyện của Đức Phật A-di-đà để vãng sinh, còn sinh về cõi Đâu-suất không có nguyện để nương, chỉ sinh lên nhờ tự lực.

Có thiện tri thức, không thiện tri thức khác nhau: Cõi Cực lạc có hai vị đại Bồ-tát là Quán Thế Âm và Đại Thế Chí thường đến Sa-bà

khuyến tấn vãng sinh, lúc lâm chung tay bưng đài Kim cang đến đón rước hành giả, hết lòng tán thán khuyến tấn tâm mình, liền được vãng sinh. Còn cõi Đâu-suất không có hai vị Bồ-tát này, chỉ do sự nỗ lực để được sinh lên.

Kinh luận khuyên vãng sinh nhiều ít khác nhau: Đối với cõi Cực lạc trong các kinh đều tán thán, trong các luận đều khuyên vãng sinh, còn đối với cõi Đâu-suất không những trong kinh ít tán thán mà trong luận cũng ít khuyên sinh lên.

Xét các Đại đức xưa nay, hưởng về nhiều ít khác nhau: Đối với cõi Cực lạc các bậc đại trí, danh tăng từ thời thượng cổ đến nay hưởng về đó rất nhiều, còn đối với cõi Đâu-suất, các bậc đại đức từ thời thượng cổ đến nay nguyện sinh lên thì ít.

Do nghĩa này nên vãng sinh Tây phương thì dễ, còn sinh lên Đâu-suất thì hơi khó vậy.

### **CHƯƠNG VIII**

Nói rõ về thời điểm giáo thuyết hưng khởi chính là lúc sám hối niệm Phật.

Hỏi: Phật đạo rộng không cần phải từ tuệ mà thành; Niết-bàn áo nghĩa sâu kín ắt cần nhờ định mà sinh. Thế thì định, tuệ là nền tảng của muôn hạnh, muôn hạnh là gốc của đại đạo. Nay bèn chuyên chú tôn sùng niệm Phật, quán tưởng cảnh giới Tây phương, như thế tôi vẫn còn do dự, mong ngài giải thích cho.

Đáp: Phật giáo vô lượng pháp môn, mối manh chẳng phải một; chúng sinh không đồng, căn tánh muôn ngàn sai khác. Không những pháp được phân biệt theo người nên giáo có cạn, sâu không đồng mà người cũng được phân biệt theo thời nên căn tánh có lợi, độn sai khác. Vì thế đối với giáo thì mở thành tám vạn bốn nghìn pháp môn, thời thì phân làm năm loại sai biệt. Do vậy mà bảo rằng hành giả tu đạo cần phải quán thời, nếu thời và giáo khế hợp thì Phật đạo dễ chứng, thời và giáo trái nhau thì Bồ-tát không thể chứng đắc. Cho nên kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Lúc hành giả nhất tâm cầu đạo thường phải quán sát thời và phương tiện. Nếu không hợp thời và không có phương tiện thì gọi đó là trái, chẳng gọi là lợi.”

Như kinh Đại tập, phần nguyệt tạng, thời ra làm năm trường hợp:

1. Sau khi Phật diệt độ, năm trăm năm thứ nhất các đệ tử của Ta Tu Tuệ được kiên cố, gồm tu các hạnh.

2. Năm trăm năm thứ hai tu định được kiên cố, gồm tu các hạnh.

3. Năm trăm năm thứ ba nghe nhiều, đọc tụng được kiên cố, gồm tu các hạnh.

4. Năm trăm năm thứ tư, tạo lập chùa tháp, tu phước sám hối được kiên cố, gồm tu các hạnh.

5. Năm trăm năm thứ năm thiện pháp bị ẩn tàng, ngưng trệ, phần nhiều có sự tranh cãi, ít có hiện pháp được kiên cố.

Nếu căn cứ kinh này thì nay là hơn năm trăm năm thứ tư, đã không có phần định, tuệ mà chỉ có tu phước sám hối, tu phước sám hối là điều hết sức thiết yếu. Khi xét các kinh, luận thì thấy rằng lẽ Phật, niệm Phật, quán sát tướng hảo của Phật là pháp rất thù thắng vậy. Cho nên kinh Quán nói rằng: “Nếu hay chí tâm niệm Phật A-di-đà thì trong mỗi niệm diệt được trọng tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử”. Nay đã ước định thời và căn tánh, nếu hành giả không có phần định, tuệ thì phải chuyên niệm Phật A-di-đà cầu sinh Tịnh độ, đây là con đường cốt yếu vậy. Nếu tự biết mình có phần định, tuệ thì ở cõi này (Sa-bà) tu đạo cầu vô thượng Bồ-đề, còn tự biết mình không có phần định, tuệ thì phải tu hạnh Tịnh độ, đồng thời trong khi tu Tịnh độ lại cầu vô thượng Bồ-đề. Nên luận Trí độ nói: “Hành giả cầu A-bệ-bạt trí có hai con đường: Một là con đường khó đi, hai là con đường dễ đi, như đường thủy và đường bộ. Ở cõi này (Sa-bà) tu đạo thì khó cũng như đi đường bộ, sinh về Tịnh độ tu đạo thì dễ cũng như đi đường thủy vậy.” Lại Đức Phật hóa độ chúng sinh tự có bốn pháp, như kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Một là dùng thuyết pháp hóa độ chúng sinh, hai là dùng quang minh tướng hảo hóa độ chúng sinh, ba là dùng thần thông đạo lực hóa độ chúng sinh, bốn là dùng danh hiệu hóa độ chúng sinh.” Trong bốn pháp, đối với tướng hảo và danh hiệu Phật thì chính lúc này phải quán sát tướng hảo Phật A-di-đà và xưng niệm danh hiệu Phật vậy. Như kinh Vô Lượng Thọ nói: “Vì chúng sinh đời vị lai nhận chịu năm thứ khổ, năm thứ đau đớn, năm thứ thiêu đốt nên muốn khiến chúng sinh tu hạnh Tịnh độ.” Lại như kinh Quán nói: “Ta vì tất cả phàm phu đời vị lai bị giặc phiền não hại mà nói hạnh Tịnh độ.” Như kinh Di-đà nói: “Vì chúng sinh đời ngũ trước mà thuyết hạnh Tịnh độ.” Các kinh như Thanh Tịnh Giác, Cổ Âm Thanh Vương, Đại Tập đều thuyết như thế. Căn cứ các kinh này thì thấy rằng các kinh đều vì chúng sinh đời vị lai, cho nên biết rằng lúc này chính là lúc niệm Phật tu hạnh Tịnh độ vậy. Nếu sinh về Tịnh độ thì không những vĩnh viễn lìa xa ác đạo mà còn chóng được vô thượng Bồ-đề (Đây là đại ý các kinh luận).

**CHƯƠNG IX**

Dạy người pháp ưa, chán; khuyên tinh tấn thân tâm (khiến chán cõi uế, ưa cõi tịnh).

Hỏi: Nay đã là năm trăm năm thứ tư, chúng sinh không có phần định, tuệ mà chỉ sám hối niệm Phật kiên cố, vì sao ngài dạy người những pháp ưa thích và nhằm chán, khuyên tinh tấn thân tâm khiến tất cả chúng sinh đều chán cõi Sa-bà xấu ác cầu được vãng sinh Tịnh độ?

Đáp: Nay tôi dẫn kinh luận và đạo lý để dạy người về các pháp ưa thích và nhằm chán.

Nếu chúng sinh thọ nhận lời Phật dạy thì đối với thế giới Sa-bà sẽ rất nhằm chán, còn đối với thế giới Cực lạc lại sinh lòng ưa thích. Bởi vì nếu hay phát tâm Bồ-đề, chuyên niệm Phật A-di-đà, tất cả đều được vãng sinh Tịnh độ. Nếu chúng sinh đối với pháp môn này không sinh lòng tin ưa, khó dạy khó ngộ, khó vượt khó thoát thì người này không thể cứu được. Nên kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Giác nói: “Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe nói về pháp môn Tịnh độ, tâm sinh tha thiết vui mừng, tóc lông dựng đứng như sắp bứt ra, phải biết thân mạng người này nhiều kiếp trong quá khứ đã hành Phật đạo. Nếu lại có người khi nghe triển khai pháp môn Tịnh độ mà không sinh tâm tin ưa, phải biết người này mới từ ba ác đạo thác sinh, đến nay, tội lỗi chưa hết, Ta bảo người này chưa có thể giải thoát.” Nay y theo các kinh Niết-bàn... để khuyến tấn kẻ hậu học có trí trong lúc đêm khuya thanh vắng nên ngồi kiết già tự tư duy: “Thân này của ta mong manh như bọt nước, niệm niệm không dừng, nhà lửa là nơi không an ổn, lẽ nào lại an nhiên không tự quán sát, không chút lo sợ?” Lại tự suy nghĩ: “Ta nay đang ở nơi đâu? Nghiệp thân khẩu ý thường khởi việc gì? Nếu vô thường chợt đến phải thọ sinh vào chốn nào? Những ác nghiệp từ vô thủy, nghiệp nào mạnh sẽ dẫn dắt ta đọa lạc về đó, khoảng từ sớm đến chiều đã là người trong địa ngục, ta còn được an ổn ngủ nghỉ trên giường này được bao lâu nữa? Vô lượng vô biên chư Phật và chư Bồ-tát trong quá khứ đã thị hiện ở đời để độ thoát chúng sinh, còn ta trôi dạt nơi nào không cầu mong Phật giáo hóa? Cũng đều vì từ vô thủy đến nay ta bất kính Tam bảo, không gần gũi thiện nhân, không vâng lời Thiện tri thức dạy, thường ở trong ba đường ác luôn không được gặp chư Phật. Đối với mười phương Tịnh độ không khổ không não ta vì sao không được vãng sinh mà thường rơi vào cõi uế này lắm điều đau khổ? Nay thân này khó được lại dễ mất, như kinh Niết-bàn nói: “Thân người khó được như đất dính trên đầu móng tay, còn thân đọa lạc trong ba ác đạo thì nhiều như đất đại địa.” Ta thọ thân



từ vô thì kiếp đến nay kiếp số không thể tính kể, ở trong mỗi kiếp thọ thân không thể tính kể, ở trong mỗi thân tạo nghiệp nhiều như vi trần không thể tính kể, quả báo mà mỗi mỗi ác nghiệp chiêu cảm không thể tính kể, trong mỗi quả báo thọ muôn vàn khổ não không thể tính hết. Thọ nhận các khổ như thế cũng đều do ta si mê không biết vâng lời Thiện tri thức, thường phải đọa trong địa ngục. Quá khứ đã thọ, hiện nay đang thọ, vị lai sẽ thọ chưa có khi nào ngừng nghỉ. Lại nay thân này từ khi thọ sinh đến giờ vì cầu cơm áo, hoặc là người tục phải nuôi sống vợ con, hoặc là xuất gia mà cầu danh tìm lợi, thường tạo đủ các ác nghiệp. Đối với các ác nghiệp như thế, nếu là nghiệp nhẹ cũng phải chịu quả báo trong năm trăm đời, còn như nghiệp nặng thì trải hàng mấy kiếp. Nếu không phát tâm Bồ-đề hổ thẹn sám hối, một khi đọa vào ác đạo sẽ không có ngày ra, khoảng từ sớm đến chiều liền đọa vào lò lửa vạc dầu, núi đao rừng kiếm, trăm kiếp ngàn đời thọ nhận tất cả các khổ sâu nặng dài lâu. Quá khứ thân tâm đã thọ các khổ, các khổ đời vị lai cũng không bờ mé, khó bỏ khó lìa mà không hiểu biết, phàm phu như thế thật là đáng thương. Người trí tư duy như thế phải giữ tâm ý cẩn thận, há có thể an nhiên mà buông lung thân tâm không tự suy xét? Lại suy nghĩ rằng: “Thân ta phước mỏng trí chậm, sinh sau thời Phật Thích-ca, trước Đức Di-lặc, há chẳng phải trong quá khứ vì ta kiêu mạn giải đãi, bất kính Tam bảo, khinh mạn thiện nhân, không vâng lời Thiện tri thức, thường ở trong ba ác tám nạn sinh ngu si vô trí? Lại nơi thân này khinh chê tam bảo, khi miệt thiện nhân, không vâng lời Thiện tri thức. Thế thì ở đời vị lai làm sao được gặp Tam bảo, được sinh vào cõi thiện? Lại nữa, thân này dầu muốn tu đạo cũng không được an ổn, vì ở thế giới Sa-bà này, con người thọ mạng ngắn ngủi, nhiều ác tri thức, luôn làm việc ác. Hoặc áo cơm không đủ, hoặc bị vua quan bức bách, người khác khinh chê, phỉ báng, thường bị não loạn không được an ổn, vừa khởi thiện tâm liền thối thất. Lại nữa, thân này chỉ là do ba mươi sáu thứ bất tịnh tạo thành, thường chảy nơi cửu khiếu, cũng như đồ phân tiểu không nên yêu thích. Còn có sinh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu bất đắc khổ, ngũ ấm thanh khổ theo đuổi luôn luôn. Người trí nên phải quán sát thân này xem như vật oan gia, như đồng phân; đối với nhà cửa đồ đạc xem như gò mả, như da người; đối với đồ ăn thức uống xem như giòi bọ, như nước bẩn; đối với vợ con quyến thuộc xem như quỷ la-sát, như ác quỷ. Nếu tâm thường quán sát tư duy như thế thì đối với thân này hết sức nhàm chán, nguyện đời đời kiếp kiếp mãi mãi không thọ thân này, cũng không ưa thích cùng sống

chung với thân này. Vì thân này là oan gia của ta, thường dẫn ta vào ba đường ác, có người trí nào đắm trước thân này? Như kinh Di Giáo nói: “Đây là vật tội lỗi nên bỏ, giả hợp gọi đó là thân, bị chìm đắm trong biển lớn sinh, lão, bệnh, tử, có người trí nào khi diệt trừ được nó mà không vui mừng?”

(Hết phần nhàm chán)

Bây giờ nói rõ phần ưa thích. Người trí lại khởi niệm rằng: Thân ta nay sinh vào năm trăm năm thứ tư, thời mà tất cả Thánh nhân đều ẩn hình không hiện, tuy muốn tu đạo nhưng không có phần định, tuệ nên đây chính là lúc sám hối niệm Phật. Như trong kinh nói: “Đức Phật A-di-đà chèo mái từ bi, cõi thuyền đại nguyện hóa độ tất cả chúng sinh khổ não. Nếu có người chí tâm niệm Đức Phật A-di-đà thì mỗi niệm mỗi niệm diệt được tội lỗi trong tám mươi ức kiếp sinh tử, lúc mạng chung người đó nhất định được sinh về Tịnh độ, thọ hưởng an vui, đạt được ngũ thông, bước lên địa vị bất thoái. Cõi báu rừng hoa tùy ý ngao du, viên âm thật tướng mặc tình nghe nhận; trong đài Liên hoa Đức Phật thân sắc vàng chói sáng, trên tòa Kim cang ba mươi hai tướng đại trượng phu rạng rỡ; bên thêm thất bảo quỳ hồi lời bất nhị, trong ao bát đức rửa sạch cấu nhiễm vô minh. Mặc áo nhung lụa vừa vặn thân thể, ăn cơm trăm vị đầy ắp chén bát, đi thì có hoa sen đỡ chân, ngồi thì hoa báu nâng mình, nơi chòm cây lá lưu ly lay động, ở trong rừng hoa mã não rung cành, hương thơm ngào ngạt khắp nơi, trái ngọt đung đưa óng ánh. Lan can được chạm bằng tứ bảo, mặt đất lấp lánh thất trân, sáo phát ngàn thanh, lầu tủa muôn sắc. Các loài chim như Bạch hạc, khổng tước thường diễn pháp Ngũ căn; Anh vũ, Xá-lợi thường tuyên Bát chánh đạo, Đức Phật Di-đà sắc tướng rõ ràng, Bồ-tát Quán Âm tướng tốt đầy đủ. Các việc như thế không thể nghĩ bàn, có người nào khi nghe những lời này mà không vui mừng? (Hết phần ưa thích).

Hỏi: Trên ngài đã dạy về pháp ưa thích và chán, đối với người trí thì đã ngộ, còn kẻ độn căn vẫn chấp mê chưa tỉnh, nếu nay dạy họ phát tâm tinh tấn thì có thể khiến họ vãng sinh Tịnh độ được không?

Đáp: Như phần cuối tiểu kinh A-di-đà nói: “Mười phương chư Phật đều đưa ra tướng lưới rộng dài trùm khắp ba ngàn đại thiên thế giới” đều khuyên dạy tất cả chúng sinh vãng sinh Tịnh độ. Nhưng có chúng sinh không thọ nhận lời Phật dạy khó dạy khó ngộ, khó cứu vớt, khó giải thoát, thì biết làm sao đây? Những chúng sinh này nếu dựa theo kinh Vô lượng thanh tịnh giác nói thì họ mới từ địa ngục sinh lên

đây, tội lỗi chưa hết. Cho nên kinh này nói: “Như có thiện nam, thiện nữ nào khi nghe nói về pháp môn Tịnh độ mà tâm sinh tha thiết vui mừng, tóc lông dựng đứng, phải biết những người này trong quá khứ đã hành Phật đạo. Nếu lại có người khi nghe nói pháp môn Tịnh độ mà không sinh lòng tin ưa, phải biết những người này mới từ ba ác đạo sinh đến đây, tội lỗi chưa hết, vì thế mà không có lòng tin và chí nguyện, Ta bảo những người này chưa có thể giải thoát được.” Cho nên kinh Vô Lượng Thọ nói rằng: “Kiêu mạn, hại, giải đãi, không thể tin pháp này.”

Lại kinh Vô Lượng Tịnh Giác và kinh Vô Lượng Thọ, mỗi kinh đều nói: “Đường thẳng diệu vô cùng, dễ mà không ai đi.”

Cõi Tây phương là con đường thẳng diệu vô cùng. Như có người trong bảy ngày thường chuyên tâm niệm Phật, tất cả thiện căn tu tập thấy đều hồi hướng, thì người đó liền được vãng sinh, mãi mãi lìa xa ba đường ác, nhập địa vị bất thoái, đây gọi là dễ đi. Nhưng có chúng sinh không chịu tin thọ, đam mê ngũ dục, muốn vào ác đạo như trùng trong nhà xí, đây gọi là không có người chịu đi vậy. Lại Đức Phật A-di-đà cùng Bồ-tát Quán thế Âm, Đại thế Chí cỡi thuyền đại nguyện xuôi dòng sinh tử đến thế giới Sa-bà giáo hóa chúng sinh, khiến tất cả đều bước lên thuyền đại nguyện đưa về Tây phương. Nếu có chúng sinh nào bước lên thuyền đại nguyện thì tất cả đều được đưa về, đây gọi là dễ đi. Đấng Thích-ca Như Lai và mười phương chư Phật, chư vị Bồ-tát như các ngài Phổ Hiền, Văn-thù, Thiên Thân, Long Thọ hoặc đưa ra tướng lưỡi rộng dài, hoặc phóng bạch hào quang, hoặc nói năm niệm huyền môn, hoặc dạy thập nhị tán lễ ân cần khuyến tấn khiến chúng sinh được sinh về Tịnh độ. Nhưng chúng sinh không sinh lòng tin ưa, không chịu về, đây gọi là không người vậy. Lại chúng sinh từ vô thủy đến nay tạo các ác nghiệp còn hơn số cát sông hằng, mỗi mỗi ác nghiệp chiêu cảm quả khổ cũng hơn số cát sông hằng. Nếu có người trong bảy ngày hoặc trong mười ngày thường chuyên tâm niệm Phật thì trong mỗi niệm diệt được trọng tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử, dứt hết khổ đau thẳng sinh Tịnh độ. Đây là dễ đi. Nhưng chúng sinh chạy theo tài sắc đẹp, tham đắm lợi danh không sớm phát tâm, khi vô thường chợt đến phải đọa tam đồ, trăm ngàn vạn kiếp không có ngày ra, đây gọi là không người vậy. Lại có chúng sinh tin lời chư Phật, Bồ-tát và các Thiện tri thức, không làm theo ác tri thức, hẳn đến tin rằng những chúng sinh tạo tội thập ác ngũ nghịch, lúc lâm chung nếu mười niệm được thành tựu thì liền vãng sinh, đây gọi là dễ đi. Nếu có chúng sinh không tin lời Phật, Bồ-tát và Thiện tri thức, nương theo những vị Tăng không có học vấn và người

thế tục vô trí, trích dẫn kinh luận, giải thích Đại thừa một cách sai lầm để dối gạt người khác, khiến Phật pháp rối loạn, mê hoặc chúng sinh phớt bỏ việc niệm Phật, thối thất thiện căn phải đọa lạc Tam đồ không được vãng sinh, đây gọi là không người vậy. Nếu có người nghe nói ai chuyên niệm Đức Phật A-di-đà thì được sinh về Tịnh độ, liền sám hối ác nghiệp, tu tập thiện căn, giữ giới thanh tịnh, chuyên niệm danh hiệu Phật được nhất tâm bất loạn đến trăm vạn biến, lúc lâm chung chánh niệm hiện tiền, Phật liền đến rước, đây là dễ đi. Nếu có chúng sinh đầu nghe nói về Đức Phật A-di-đà mà vẫn cố tạo tội, tuy có niệm danh hiệu Phật, nhưng tâm còn duyên năm dục, đây là người tạp niệm bị kiết sử trói buộc, lúc lâm chung tâm bị điên đảo, Phật không đến rước, đây gọi là không người vậy.

Hỏi: Kinh tuy nói niệm Phật bảy ngày tức được vãng sinh, chưa biết phải niệm bao nhiêu danh hiệu Phật mới được vãng sinh?

Đáp: Như Thiền sư Đạo Xước khi xem xét văn kinh thấy rằng chỉ có thể niệm Phật nhất tâm bất loạn, được trăm vạn biến trở lên thì nhất định được vãng sinh. Lại Ngài y theo pháp bảy ngày niệm Phật trong kinh A-di-đà nói mà thực hành, trong lúc niệm Phật đếm được trăm vạn biến. Thế nên các kinh như kinh Đại tập, kinh Dược sư, kinh A-di-đà đều dạy mọi người bảy ngày niệm Phật. Ý này đã rõ ràng vậy.

Hỏi: Tội lỗi của chúng sinh tích chứa lâu đời sâu nặng như núi, vì sao chỉ có mười niệm mà có thể diệt được bao nhiêu ác nghiệp như thế? Dầu niệm đến trăm vạn biến đi nữa cũng là rất ít; ác nghiệp nếu không diệt hết thì vì sao lại được vãng sinh Tịnh độ?

Đáp: Đây có ba nghĩa:

1. Không cần diệt hết các ác nghiệp như thế, chỉ cần lúc lâm chung được vãng sinh Tịnh độ. Nếu lúc lâm chung chánh niệm hiện tiền thì tâm này có thể dẫn dắt các thiện nghiệp mà mình tạo tác từ vô thủy đến nay, các thiện nghiệp này cùng trợ giúp lẫn nhau khiến liền được vãng sinh vậy.

2. Danh hiệu chư Phật thành tựu muôn đức, nên chỉ cần nhất tâm niệm Phật thì trong mỗi niệm gồm thấu muôn đức. Cho nên kinh Duy-ma nói: “Đối với nghĩa ba câu này chúng sinh trong ba nghìn thế giới đều như ngài A-nan, bậc đa văn đệ nhất, dầu trải qua kiếp số dài lâu cũng không thể thọ nhận hết.

Ác nghiệp vô thủy từ vọng tâm sinh, công đức niệm Phật từ chân tâm hiện. Chân tâm sáng rõ như mặt trời, vọng tâm u ám như đêm tối, chân tâm một khi vừa khởi thì vọng tâm liền diệt, cũng như mặt trời mới

mọc, tất cả tối tăm đều được tiêu trừ.

Do ba nghĩa này cho nên lúc lâm chung mười niệm thành tựu thì nhất định được vãng sinh.

Hỏi: Tịnh độ thù thắng vì diệu là cõi đấng Pháp vương trụ; đài tạng Liên hoa chẳng phải là nơi phàm phu ở. Theo lẽ, hễ phàm phu thì sinh nơi cõi phàm, còn Thánh nhân thì ngao du cõi Thánh, chứ đâu có thể phàm phu thấp kém mà sinh vào cõi diệu?

Đáp: Căn cứ bốn mươi tám đại nguyện thì cõi Tịnh độ tuy vi diệu nhưng vốn để phàm phu thành tựu đạo nghiệp còn đài tạng Liên hoa nguyên là chỗ để thác sinh. Nếu là phàm phu thì không thể ngao du Tịnh độ. Còn đã là đấng Pháp vương thì sao phải dẫn thân vào ngũ trước? Tuy nhiên, dù là đấng Pháp vương mà vì giáo hóa chúng sinh nên thị hiện nơi đời ngũ trước; cũng vậy, tuy là phàm phu nhưng vì cúng dường chư Phật nên sinh về Tịnh độ. Lý này đã rõ vậy. Lại Tịnh độ là cõi do chư Phật từ bi phương tiện lập riêng ở một phương để trừ bỏ nữ nhân và cảnh giới ngũ dục, khiến chúng sinh ở trong đó tu đạo, đây là cõi hóa sinh trong tứ sinh nên chẳng phải cực diệu. Cũng như trong thành ấp riêng dùng một nơi để xây dựng Già lam, trừ bỏ việc thế tục để chúng tăng tu đạo, chỉ có những chúng sinh vào Già lam mới dễ phát thiện tâm. Tịnh độ cũng như thế. Đến được cõi này cũng như sinh vào cung điện Lục dục thiên, ngôi nhà vi diệu tứ thiên, về y báo, tâm là trân báu lạ kỳ, còn chánh báo thì thân tướng quang minh thù diệu, y phục nhiệm mầu, thức ăn trăm vị, ngồi nằm trong cung điện hoa lệ, ngao du đó đây thỏa thích. Cõi như thế há chỉ là nơi của đấng Pháp vương cư trú, mà đều là do nhân lành của phàm phu chiêu cảm nên có các thứ kỳ diệu này hiển hiện vậy.

Hỏi: Như các kinh luận Đại thừa đều nói vô tướng vô sinh, vì sao kinh này khuyên dạy chúng sinh quán nơi tướng cầu sinh Tịnh độ?

Đáp: Nghi vấn như thế đều không thuận lý, lẽ ra nên bỏ qua, còn nếu muốn trả lời nên hỏi vặn rằng: “Chư Phật có tám vạn bốn ngàn pháp môn, ông hỏi pháp môn nào? Tây phương Tịnh độ thuộc về pháp gì, vô tướng vô sinh nhiếp về môn nào?” Người kia nếu trả lời rằng hai pháp này chỉ là một môn thì tức là người ngu si, không thể bàn luận với họ. Còn như đáp rằng vô tướng vô sinh là lý, hữu tướng hữu sinh là sự thì nên đáp rằng: Như thế là ông đã rõ rồi, cần gì phải hỏi tôi nữa. Còn nếu muốn tôi trả lời, thì xin đáp rằng: Chư Phật có tám vạn bốn ngàn pháp môn, mỗi mỗi sai biệt không tạp loạn nhau. Nếu nhiếp chung lại thì tức là hai đế: chân đế và tục đế. Hai đế này, có Phật, không Phật,

tánh tướng thường trụ, chẳng phải do người tạo tác. Nên Trung luận nói rằng: Chư Phật thuyết pháp thường y hai đế. Lại nói:

*Như người không thể biết  
Phân biệt làm hai đế Tức  
nơi Phật pháp mâu  
Không tỏ nghĩa chân thật.*

Nay Tây phương Tịnh độ thông thường có ba loại:

1. Pháp thân Tịnh độ: đây tức vô tướng vô sinh.
2. Báo thân Tịnh độ: Y cứ nơi thật lý cũng vô tướng vô sinh, nhưng về sự thì hữu tướng hữu sinh.
3. Hóa thân Tịnh độ: Cũng là hữu tướng hữu sinh.

Nên Nhiếp luận nói: “Đối với Hóa thân chư Phật, lúc thì thị hiện lúc nhập Niết-bàn”, nghĩa là sinh vào vương cung, tịch nơi song thọ. Nay khuyến dạy chúng sinh vãng sinh, nghĩa là sinh vào Hóa thân độ, như chúng sinh muốn vãng sinh thì chỉ quán nơi tướng. Trong pháp quán này có giả quán. Trước phải khởi giả tướng quán khiến mỗi mỗi phân minh, rồi sau mới có thể khởi thật quán. Như hai pháp Nhật tướng quán và Thủy tướng quán trong mười sáu pháp quán là giả tướng quán. Còn từ địa quán trở đi nương Tam-muội mà thành gọi là thật quán, thứ lớp phải như vậy.

Đây là cõi chúng sinh thọ sinh, tức là sự tướng, là tục đế, là pháp phải hành, là cõi thọ sinh, là thân phần đoạn, chết cõi này sinh về cõi khác, là pháp hữu lậu, hữu vi, nhiếp vào tam giới, có sống chết qua lại, trong tứ sinh nhiếp vào cõi hóa sinh, còn nếu khởi vô tướng vô sinh quán thì không có vãng sinh, vì theo lý thì pháp thân vô sinh vậy. Nếu muốn chỉ dạy cho người thì cũng có thể nói hữu sinh, cũng có thể nói vô sinh. Nếu lý và sự gồm tu thì được thượng phẩm thượng sinh vậy.

Hỏi: Như kinh Kim cang Bát-nhã nói:

*Nếu thấy ta qua sắc  
Tìm ta qua âm thanh  
Người đó hành đạo tà  
Không thể thấy Như Lai.*

Lại kinh Phật Tạng nói rằng: “Người thấy Phật là đại tà kiến.” Nay vì sao dạy người quán tám vạn bốn ngàn đức tướng của Đức Phật A-di-đà?

Đáp: Việc này trước đã trả lời rồi. Các kinh này đều đứng về lý pháp thân mà nói, nên trong kinh Kim Cang Bát-nhã có kệ.

*Diệu thể Đức Như Lai*

*Tức pháp thân chư Phật  
Pháp thể không thể thấy  
Thức tánh không thể biết.*

Nay quán tám vạn bốn nghìn tướng hảo của Đức Phật là quán sắc thân ứng hóa. Nếu khởi quán này thì phải tướng tướng phân minh, vẻ vẻ khác biệt, không được lẫn lộn làm một. Nếu có người nói, vạn pháp đều không thì còn lý, sự gì? Đây là người đại tà kiến, là người ngu si, là người không có học, là người dối gạt và mê hoặc thế gian, không nên bàn luận với họ. Vì thế, Trung luận nói:

*Nếu thấy có Như Lai  
Là người tà kiến nhẹ  
Còn nói không Như Lai  
Là người tà kiến nặng.*

Đây có hai lỗi:

1. Phá sự an vui của thế gian.
2. Phá đạo Niết-bàn.

Luận này đều đứng về lý mà nói. Nếu đứng về sự thì thấy có Như Lai tức là chánh kiến, nhất định được vãng sinh. Lại luận Địa trì nói: “Thà khởi cái thấy “Có” lớn như núi Tu-di, chớ không khởi cái thấy “Không” dẫu nhỏ như hạt cải.”

Hỏi: Trước nói niệm Phật cắt đứt giòng thác khổ đau, được sinh Tịnh độ, ý này được rút từ văn kinh nào?

Đáp: Ý này được rút từ kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ nói:

*Cắt đứt năm đường ác  
Đường ác tự nhiên đóng  
Tiến đạo không cùng cực  
Dễ đi mà không người.*

Hỏi: Trước nói niệm Phật không đọa vào ba ác đạo, ý này được rút từ văn kinh nào?

Đáp: Như kinh Độ Chư Phật cảnh giới nói: “Nếu các chúng sinh duyên tướng Đức Như Lai, phát sinh các hạnh thì đoạn được vô số kiếp đọa trong địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Nếu có chúng sinh một niệm khởi ý duyên tướng Như Lai thì công đức đạt được không thể đo lường, dẫu có trăm nghìn vạn ức na-do-tha chư đại Bồ-tát cũng không thể tính đếm được bờ mé của nó”.

Hỏi: Trước nói niệm Phật diệt tội lỗi, ý này được rút từ văn kinh nào?

Đáp: Như kinh Quán Phật Tam-muội nói: “Nếu đệ tử ta rời bỏ cảnh ồn náo, ngày đêm sáu thời, mỗi thời chia làm phần nhỏ, trong phần nhỏ khoảng tu du luôn quán niệm tướng bạch hào của Phật, khiến tâm rõ ràng, không có loạn tưởng, mê lầm, chánh niệm chú ý, hoặc thấy tướng hảo, hoặc không thể thấy, người này trừ bỏ tội lỗi trong chín mươi sáu ức na-do-tha hằng hà sa vi trần số kiếp sinh tử.

Lại như kinh Đại bi, Đức Phật nói: “Này A-nan! Như trong tam thiên đại thiên thế giới đầy ấp các Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, như có thiện nam, thiện nữ nào hoặc một kiếp, hoặc ít hơn một kiếp lấy tất cả đồ dùng ưa thích vừa ý, cung kính tôn trọng khiêm hạ cúng dường, ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ đó được phước nhiều không?”

A-nan đáp:

- Rất nhiều, bạch Đức Thế Tôn!

Đức Phật bảo A-nan: Nếu lại có người ở chỗ chư Phật chỉ một lần chấp tay, một lần xưng danh, phước đức như thế so với phước đức trên thì phước đức trên trăm phần không bằng một phần, ngàn phần không bằng một phần, trăm nghìn ức phần không bằng một phần, ca-la phần không bằng một phần. Vì sao? Phước điền của Như Lai là vô thượng.”

**Lại như kinh Địa tạng Bồ-tát** nói: Như có người muốn sinh về Tịnh độ hiện tại ở phương khác thì nên theo danh hiệu Phật trong thế giới ấy chuyên ý tụng niệm nhất tâm không loạn thì quyết định được sinh về Tịnh độ của Đức Phật kia, thiện căn tăng trưởng, chóng thành tựu địa vị bất thoái.

Tịnh độ chính là đường về cốt yếu mà ngài Pháp Tạng khéo dẫn dụ chúng sinh, là phương tiện nhiệm mầu Đức Thích-ca ôm ấp; sáu đường nương tựa tiêu dao, bốn loài ký thác an thân. Ở cõi Tịnh mãi mãi an vui, nhìn Sa-bà mãi mãi bỏ lia. Đâu chỉ tu ba phước được lên thượng phẩm, mà phát mười niệm cũng được hạ sinh, thế thì muôn loài đều về không sót một người vậy. Nay luận giả giác ngộ mình bằng phương tiện nhiệm mầu, cứu mình bằng đức sáng, từ nay về sau vâng theo đó tu hành. Làm bài tụng tán thán rằng:

*Ba cõi mệnh mông  
Bao la bốn loài  
Đều là nhà lửa  
Cùng gọi bọn mù  
Đêm dài mê muội  
Ngủ mãi không sợ*



*Nay trao đuốc này Sáng cõi u minh  
Đại nguyện Pháp Tạng Chí còn dẫn dụ  
Riêng bày Tịnh độ Hiệu Vô Lượng  
Thọ Mười sáu pháp quán Sinh về chín  
phẩm Lan rộng khắp nơi Nghìn năm  
bất hủ.*